

**TAND KHU VỰC 13
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số 22/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Y - Sinh năm: 1983

CCCD số: 038183013661 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 02/10/2021

Bị đơn: Anh Trần Đức T - Sinh năm: 1983

CCCD số: 0380 83019244 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 07/08/2023

Cùng nơi ĐKKHKT tại: Khu C, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Y và anh Trần Đức T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Trần Đức T thuận tình ly hôn.
 - 2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Khải A – Sinh ngày 23/03/2020 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Các đương sự tự thoả thuận về phần cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- 2.3. Về tài sản chung và công, nợ chung: Chị Y và anh T thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Các đương sự thoả thuận chị Y nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25E/0000225 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị Y được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)..

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA – TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND T. Thanh Hoá
- VKSND khu vực 13 - Thanh Hóa;
- THADS Tỉnh Thanh Hóa;
- UBND X. Hồi Xuân, T. Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Hùng